

Số: 578 /BKHCN-KHTC

V/v tham gia góp ý kiến về dự thảo  
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số  
95/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ nêu tại điểm h khoản 1 phần A mục III của Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2026; Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024; Công văn số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023 và 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (*hồ sơ dự thảo Nghị định đính kèm bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*).

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan tham gia góp ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên.

Văn bản góp ý của Quý Cơ quan xin gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ, bản mềm gửi về hòm thư: [nhvan@most.gov.vn](mailto:nhvan@most.gov.vn) trước ngày 20 tháng 3 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



**Lê Xuân Định**



**Vụ Kế hoạch - Tài chính**

**DANH SÁCH CÁC BỘ NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG DOANH NGHIỆP**  
(Kèm theo Công văn số ~~578~~ <sup>578</sup> BKHCN-KHTC ngày ~~28/02~~ <sup>28/02</sup> 2024 của Bộ KH&CN)

| Stt | Bộ, ngành                    | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---------|
| 1   | Bộ Văn hóa TT&DL             |         |
| 2   | Bộ TN&MT                     |         |
| 3   | Bộ Ngoại giao                |         |
| 4   | Bộ Kế hoạch và Đầu tư        |         |
| 5   | Bộ Tài chính                 |         |
| 6   | Bộ Giáo dục và Đào tạo       |         |
| 7   | Viện Hàn Lâm KH và CN VN     |         |
| 8   | Viện Hàn Lâm KHXH CN VN      |         |
| 9   | Tòa án nhân dân tối cao      |         |
| 10  | Văn phòng quốc hội           |         |
| 11  | Viện Kiểm sát ND tối cao     |         |
| 12  | Bộ Tư pháp                   |         |
| 13  | Bộ Lao động TB và XH         |         |
| 14  | Đại học QG Hà Nội            |         |
| 15  | Đại học QG TP HCM            |         |
| 16  | Trung ương Đoàn TNCSHCM      |         |
| 17  | Hội nhà văn VN               |         |
| 18  | Ủy ban TƯ mặt trận TQ VN     |         |
| 19  | Thanh tra CP                 |         |
| 20  | Học viện Chính trị QG HCM    |         |
| 21  | Văn phòng Trung ương         |         |
| 22  | Liên hiệp các hội KHKT VN    |         |
| 23  | Hội Liên hiệp phụ nữ VN      |         |
| 24  | Bộ Nội vụ                    |         |
| 25  | Kiểm toán Nhà nước           |         |
| 26  | Bộ Công thương               |         |
| 27  | Bộ Xây dựng                  |         |
| 28  | Bộ Giao thông vận tải        |         |
| 29  | Bộ Y tế                      |         |
| 30  | Bộ NN&PTNT                   |         |
| 31  | Hội nông dân VN              |         |
| 32  | Liên minh HTX VN             |         |
| 33  | Ủy ban dân tộc               |         |
| 34  | Tổng LĐ LĐ VN                |         |
| 35  | Ban quản lý Lăng CT HCM      |         |
| 36  | Bộ Quốc phòng                |         |
| 37  | Bộ Công an                   |         |
| 38  | Bộ Thông tin và Truyền thông |         |
| 39  | Ngân hàng Nhà nước           |         |

|    |                                        |  |
|----|----------------------------------------|--|
| 40 | Đài tiếng nói VN                       |  |
| 41 | Thông tấn xã Việt Nam                  |  |
| 42 | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN |  |

| Stt | Địa phương      | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------|
| 1   | Vĩnh Phúc       |         |
| 2   | Hưng Yên        |         |
| 3   | Kon Tum         |         |
| 4   | Thái Bình       |         |
| 5   | Ninh Bình       |         |
| 6   | Nam Định        |         |
| 7   | Hà Nam          |         |
| 8   | Lâm Đồng        |         |
| 9   | Gia lai         |         |
| 10  | Bắc Ninh        |         |
| 11  | Đắk Lắk         |         |
| 12  | Đắk Nông        |         |
| 13  | TP Hà Nội       |         |
| 14  | Hải Dương       |         |
| 15  | Hải Phòng       |         |
| 16  | Điện Biên       |         |
| 17  | Hà Tĩnh         |         |
| 18  | Hòa Bình        |         |
| 19  | Lai Châu        |         |
| 20  | Nghệ An         |         |
| 21  | Quảng Bình      |         |
| 22  | Quảng Trị       |         |
| 23  | Sơn La          |         |
| 24  | Thanh Hóa       |         |
| 25  | Thừa Thiên Huế  |         |
| 26  | Yên Bái         |         |
| 27  | Hà Giang        |         |
| 28  | Cao Bằng        |         |
| 29  | Bắc Giang       |         |
| 30  | Phú Thọ         |         |
| 31  | Lào Cai         |         |
| 32  | Tuyên Quang     |         |
| 33  | Lạng Sơn        |         |
| 34  | Thái Nguyên     |         |
| 35  | Bắc Kạn         |         |
| 36  | Quảng Ninh      |         |
| 37  | Ninh Thuận      |         |
| 38  | Bình Dương      |         |
| 39  | TP Hồ Chí Minh  |         |
| 40  | Bà Rịa-Vũng Tàu |         |
| 41  | Tây Ninh        |         |
| 42  | Đồng Nai        |         |



|    |            |  |
|----|------------|--|
| 43 | Bình Thuận |  |
| 44 | Quảng Nam  |  |
| 45 | Phú Yên    |  |
| 46 | Quảng Ngãi |  |
| 47 | Bình Định  |  |
| 48 | Khánh Hòa  |  |
| 49 | Đà Nẵng    |  |
| 50 | Bình Phước |  |
| 51 | Bến Tre    |  |
| 52 | Trà Vinh   |  |
| 53 | Cà Mau     |  |
| 54 | Cần Thơ    |  |
| 55 | Bạc Liêu   |  |
| 56 | Kiên Giang |  |
| 57 | Đồng Tháp  |  |
| 58 | An Giang   |  |
| 59 | Sóc Trăng  |  |
| 60 | Hậu Giang  |  |
| 61 | Vĩnh Long  |  |
| 62 | Tiền Giang |  |
| 63 | Long An    |  |

| STT | Tên doanh nghiệp                               | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|---------|
| 1   | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                      |         |
| 2   | Tập đoàn Điện lực Việt Nam                     |         |
| 3   | Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội       |         |
| 4   | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam                     |         |
| 5   | Tập đoàn Cao su Việt Nam                       |         |
| 6   | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam         |         |
| 7   | Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản           |         |
| 8   | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước |         |
| 9   | Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam              |         |



Số:        /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày        tháng        năm 2024

**Dự thảo**

**TỜ TRÌNH**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 4726/VPCP-KTTH ngày 27/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, văn bản số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và văn bản số 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Dự thảo Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước**

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo trong các văn bản sau đây:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: “Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, ...; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo”; “Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng



tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”.

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: “Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số”; “Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số”.

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã đề ra nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; triển khai đồng bộ các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2030. Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, 'tạo' bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm từ 2% tổng chi ngân sách trở lên theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thống kê, tổng hợp số liệu, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ tại các cơ quan, địa phương. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục thanh, quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế giao khoán sản phẩm... Giải quyết hiệu quả các vướng mắc để giải phóng tối đa nguồn lực từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình



*phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”.*

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội, tại khoản 4 Mục IV Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ *“Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...Nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ”.*

- Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2026, tại điểm h khoản 1 phần A mục III của Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ: *“...nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”.*

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc, tại khoản 6 Chỉ thị đề ra nhiệm vụ: *“Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”.*

- Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP trước 31/6/2024 tại các văn bản số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023 và 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024.

## **2. Cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn**

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối



với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) của 68 Bộ, ngành, địa phương và 05 doanh nghiệp theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1977/BKHCN-KHTC ngày 04/8/2022 và Công văn số 2386/BKHCN-KHTC ngày 08/9/2022, Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 3799/BKHCN-KHTC ngày 24/10/2023 về việc báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ và Công văn số 4801/BKHCN-KHTC ngày 15/12/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Sau gần 10 năm thực hiện chính sách về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định và không phát sinh vướng mắc lớn cần thay thế. Việc sửa đổi Nghị định số 95/2014/NĐ-CP xuất phát từ những bất cập trong thực hiện đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và sự thay đổi của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, những quy định hiện hành về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN đã bộc lộ một số nội dung chưa phù hợp, cụ thể như sau:

- Về đầu tư cho hoạt động KH&CN: Phân bổ vốn đầu tư còn chông chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập chưa phù hợp dẫn đến đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu. Trong thực tế, việc đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu bao gồm mua sắm máy móc, trang thiết bị nghiên cứu của các tổ chức KH&CN đang được lập dự toán và phân bổ bằng nguồn sự nghiệp KH&CN, chưa được quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN: Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học. Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 vào các Quỹ KH&CN các cấp chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về cơ bản chưa được thành lập. Mục tiêu của cơ chế khoán chi là giảm ràng buộc về thủ tục hành chính, chứng từ chi tiêu để các nhà khoa học có thể tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học; nhưng với các chính sách hiện nay, ngoài việc được tự chủ trong việc điều chỉnh dự toán các



nội dung chi khoán hay điều chỉnh định mức chi của các nội dung khoán; việc chi tiêu, thanh toán các nhiệm vụ KH&CN vẫn phải chịu sự điều chỉnh của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu thầu.

- Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp, cho nên, số lượng doanh nghiệp trích lập Quỹ chưa nhiều và số dư Quỹ chưa sử dụng lớn. Việc quản lý nhà nước về Quỹ áp dụng theo chế độ hậu kiểm, trong khi hướng dẫn nội dung chi còn thiếu cụ thể dễ dẫn đến rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp. Thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh (nhu cầu cấp thiết của doanh nghiệp).

- Một số nội dung khác được báo cáo cụ thể tại Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (đính kèm).

Vì vậy, để thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật KH&CN, tháo gỡ các tồn tại, hạn chế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong quá trình thực hiện cơ chế tài chính và đầu tư đối với hoạt động KH&CN, Bộ KH&CN nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

- Thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành.

- Nâng cao hiệu quả và đóng góp của hoạt động khoa học và công nghệ trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

a) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, cũng như các chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.



c) Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP còn phù hợp, đồng thời khắc phục được tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH**

#### **1. Về việc lập đề nghị xây dựng Nghị định**

- Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

2. Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ”.

- Tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “1. Đề nghị xây dựng nghị định được áp dụng đối với việc xây dựng, ban hành nghị định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật này”.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP thuộc trường hợp điều chỉnh tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ KH&CN đã lập đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 3799/BKHCN-KHTC ngày 24/10/2023 về việc báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ.

- Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP trước 31/6/2024 tại các văn bản số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023, 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024 và đưa vào Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **2. Quá trình xây dựng dự án Nghị định**

Thực hiện nhiệm vụ được giao; Bộ KH&CN đã triển khai các công việc sau:



Ngày 16/6/2022, Bộ KH&CN đã có Công văn số 1381/BKHCN-KHTC báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo Nghị quyết số 68/NQ-CP.

Bộ KH&CN tại Công văn số 1977/BKHCN-KHTC ngày 04/8/2022 và Công văn số 2386/BKHCN-KHTC ngày 08/9/2022 gửi các Bộ, ngành, địa phương và một số doanh nghiệp đề nghị đánh giá tình hình thực hiện nghị định số 95/2014/NĐ-CP, trên cơ sở đó đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của 68 Bộ, ngành, địa phương và 05 doanh nghiệp theo đề nghị của Bộ KH&CN nêu trên, Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 3799/BKHCN-KHTC ngày 24/10/2023 về việc báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ.

Bộ KH&CN đã có văn bản số 4801/BKHCN-KHTC ngày 15/12/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Bộ KH&CN đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo Quyết định số 2412/QĐ-BKHCN ngày 24/10/2023.

Bộ KH&CN đã có các Công văn (số...) gửi xin ý kiến Ủy ban Khoa học, công nghệ và Môi trường Quốc hội; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Tập đoàn Cao su Việt Nam; Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản; Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập về dự thảo Nghị định. Đồng thời đăng tải dự án Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định.

Bộ KH&CN đã nhận được ý kiến của ... cơ quan, tổ chức. Về cơ bản các ý kiến đều nhất trí với dự án Nghị định. Ngoài ra, còn có thêm ý kiến để hoàn thiện dự án Nghị định. Bộ KH&CN lập Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị định (Báo cáo được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN theo quy định).



Ngày ..., Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã họp cho ý kiến về dự án Nghị định.

Ngày..., Bộ KH&CN đã có công văn số gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự án Nghị định.

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo), Bộ KH&CN hoàn chỉnh hồ sơ dự án Nghị định.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **A. Bố cục của dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định gồm 02 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN. Điều 1 gồm 30 khoản hướng dẫn chi tiết thi hành.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành. Điều 2 gồm 2 khoản hướng dẫn chi tiết thực hiện.

##### **B. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Nghị định áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

##### ***1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 nội dung chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho KH&CN***

1.1. Bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 về kinh phí cải tạo, sửa chữa tài sản công nhằm nâng cấp, mở rộng tài sản công.

- Bổ sung quy định về cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng. Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “a) *Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án*” và tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “a) *Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn*”.



- Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Lý do:

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: *“Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh”*.

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: *“b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu”* (điểm b khoản 2 mục IV).

1.2. Bổ sung điểm d khoản 1 về việc áp dụng quy định pháp luật về đầu tư đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN sử dụng các nguồn vốn khác nhau ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển từ NSNN.

1.3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 quy định về chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Lý do: Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định tại điểm b khoản 2 sẽ được sửa đổi theo hướng: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

1.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 về việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/SCOPUS nhằm khuyến khích các nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu KH&CN trên các tạp chí uy tín của thế giới.

1.5. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 2:



- Sửa đổi quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công. Việc đề xuất sửa đổi phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án” và khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công”.

- Bổ sung quy định về mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN. Lý do: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật” và điểm a khoản 2 Điều 28 “a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành” và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Việc quy định sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN đối với các nội dung mua sắm máy móc, thiết bị nêu trên phù hợp và đáp ứng triển khai kịp thời kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công.

1.6. Bổ sung quy định về chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo nhằm duy trì và hỗ trợ hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo, bao gồm: hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ đào tạo về năng lực quản trị, mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Lý do: Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 2 mục IV.



1.7. Bổ sung quy định về việc hướng dẫn các khoản chi khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

1.8. Bổ sung quy định để làm rõ việc áp dụng quy định pháp luật theo hướng:

- Đối với chi đầu tư phát triển KH&CN (khoản 1 Điều 4) áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về chi đầu tư phát triển.

- Đối với chi sự nghiệp KH&CN (quy định tại khoản 2 Điều 4) áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về chi thường xuyên.

### ***2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN***

2.1. Sửa đổi các quy định tại khoản 1 Điều 5 liên quan đến việc phối hợp và vai trò tổng hợp của Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc hướng dẫn và tổng hợp dự toán ngân sách KH&CN địa phương nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công.

2.2. Sửa đổi điểm b khoản 3 về kinh phí dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN được chuyển về đơn vị dự toán cấp I hoặc Quỹ phát triển KH&CN các cấp để phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2.3. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 về việc giao Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN do: Đến thời điểm hiện nay, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã thực hiện được gần 10 năm, tuy nhiên, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn chưa được ban hành. Hiện nay, các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan đã được ban hành và thực thi tương đối hiệu quả nên cần thiết phải bãi bỏ quy định tại khoản 4.

### ***3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 7 về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương***

Bổ sung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 khi Quỹ phát triển KH&CN thành lập: (i) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN; (ii) NSNN không hỗ trợ chi phí quản lý. Nội dung đề xuất bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 19 Điều 4 của Luật NSNN “19.



*Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật” và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN “11. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước”.*

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 7 để xác định Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bãi bỏ các quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7 đối với các nội dung hoạt động ủy thác của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Lý do: không có quy định pháp luật quy định chức năng hoạt động ủy thác của quỹ tài chính ngoài ngân sách (trừ Quỹ đầu tư phát triển địa phương).

#### **4. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

4.1. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp Nhà nước chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

4.2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9: “3. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và cho ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.”. Lý do: thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Luật Ban hành văn



bản quy phạm pháp luật, theo Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 39/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ.

#### 4.3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 về nội dung chi của Quỹ

Bổ sung các nội dung chi cho hoạt động KH&CN đã được quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng chưa được quy định tại Điều 10 của Nghị định:

4.3.1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 về nội dung chi “mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp” theo quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Trong đó, dự thảo Nghị định xây dựng 02 phương án đối với nội dung này:

- Phương án 1: “Mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp.”

- Phương án 2: “Mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.”

4.3.2. Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nói lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp”.

4.3.3. Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi



*ngành đổi mới sáng tạo*"; đầu tư cho các cơ sở ương tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

4.4. Sửa đổi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 11 về việc các doanh nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, bộ, ngành, địa phương có quyền yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN theo hướng:

- Doanh nghiệp nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết Quỹ phát triển KH&CN sẽ nộp về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thay vì nộp về Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia theo quy định hiện nay.

- Bổ sung quy định về việc đề xuất phương án xử lý số tiền tồn dư do doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN các cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 11, nguyên nhân do: hiện tại Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia đang quản lý khoản kinh phí do doanh nghiệp đóng góp về Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng các doanh nghiệp đã đóng góp chưa có yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia; dẫn đến nguồn tiền tồn dư này chưa được sử dụng, khai thác hiệu quả.

Do vậy, dự thảo Nghị định đề xuất quy định: *"Sau 05 năm kể từ khi doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố, nếu doanh nghiệp không có yêu cầu sử dụng số kinh phí đã đóng góp thì không được yêu cầu Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố hỗ trợ bằng số đã đóng. Nguồn đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố sau 5 năm được bổ sung nguồn kinh phí của các Quỹ để dùng cho các hoạt động tài trợ, cho vay theo điều lệ Quỹ. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố hàng năm có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án xử lý số kinh phí tồn dư quan quản lý cấp trên để xử lý theo quy định."*

## **5. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN**

5.1. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 14 về việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp hoặc các đơn vị dự toán các cấp để phù hợp với các quy định pháp luật về NSNN.



5.2. Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 về cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia nhằm thực hiện theo kiến nghị của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Công văn số 977/BC-UBKHHCNMT15 ngày 26/10/2022 “*Tăng cường giám sát các chuyên đề về tình hình thực hiện chính sách pháp luật KH&CN&ĐMST, trọng tâm là giám sát việc thực thi pháp luật có liên quan đến cơ chế đầu tư, tài chính, bố trí sử dụng NSNN, nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN&ĐMST, phát triển thị trường công nghệ, tăng cường ứng dụng và CGCN nhằm khẳng định KH&CN là động lực quan trọng phát triển đất nước*”.

5.3. Sửa đổi quy định tại Điều 15 về khoản chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN theo hướng:

- Sửa đổi các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 về tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Luật KH&CN “*b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoản chi đến sản phẩm cuối cùng*”.

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 15 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

5.4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 16 về khoản chi từng phần đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN như sau:

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 16 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

## **V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH, VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### ***1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định***

Nghị định nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Nguồn lực thực hiện các quy định tại Nghị định là nguồn lực hiện có cân đối trong phạm vi 2% tổng chi NSNN cho hoạt động KH&CN theo



quy định của Luật Khoa học và Công nghệ. Do đó, không làm phát sinh thêm nhiều nguồn nhân lực, tài chính cho việc thực hiện Nghị định.

Việc thi hành Nghị định không phát sinh các thủ tục hành chính làm ảnh hưởng đến người dân, doanh nghiệp; không chồng chéo với các văn bản pháp luật khác.

## **2. Vấn đề lồng ghép giới**

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý như: Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới.

Các quy định trong dự thảo Nghị định đã đảm bảo đủ quyền bình đẳng của tổ chức, cá nhân, của nam, của nữ trong việc thực hiện các chính sách. Do đó, dự thảo Nghị định đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định. Vấn đề về lồng ghép bình đẳng giới đã được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định này.

Trên đây là nội dung dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Tài liệu trình kèm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&CN: Vụ Pháp chế, VP Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**



Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**Dự thảo**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

**1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:**

“a) Xây dựng mới; cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng; tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm khởi nghiệp sáng tạo;”

**2. Bổ sung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 như sau:**

“đ) Đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.



Đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong tổng mức đầu tư, thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ đầu tư theo hình thức đối tác công tư, thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.”

### **3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:**

“b) Chi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành do Nhà nước bảo đảm kinh phí; kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao; kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập.”

### **4. Bổ sung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 như sau:**

“i) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế;”

### **5. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 như sau:**

“k) Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc danh mục ISI hoặc SCOPUS; khen thưởng, giải thưởng khoa học và công nghệ;”

### **6. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 như sau:**

“m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ duy trì đúng công năng, tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô; mua sắm trang thiết bị máy móc theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng hiện hành phục vụ hoạt động thường xuyên máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN;”

### **7. Bổ sung điểm n0 khoản 2 Điều 4 như sau:**

“n0) Các khoản chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo nhằm duy trì và hỗ trợ hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo, bao gồm: hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ đào tạo về năng lực quản trị, mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo;”

### **8. Bổ sung điểm n1 khoản 2 Điều 4 như sau:**



“n1) Các khoản chi có liên quan khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chi khác khi có nhu cầu phát sinh trong thực tế.”

**9. Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 4 như sau:**

“3. Đối với chi đầu tư phát triển khoa học công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về chi đầu tư phát triển. Đối với chi sự nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về chi thường xuyên.”

**10. Sửa đổi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:**

“d) Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho khoa học và công nghệ của địa phương mình.”

**11. Sửa đổi quy định điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:**

“c) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ kinh phí từ nguồn ngân sách dành cho khoa học và công nghệ được giao hàng năm, lập phương án bố trí kinh phí cho đầu tư phát triển và sự nghiệp khoa học và công nghệ không thấp hơn mức Trung ương giao.

Sở Kế hoạch và Đầu tư lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán chi đầu tư phát triển theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ thì Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

Sở Tài chính lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ thì Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định.”

**12. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 như sau:**

“b) Kinh phí dành cho việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phân bổ như sau:

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.



Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;”

**13. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5.**

**14. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 như sau:**

“b) Đảm bảo cơ cấu nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác; Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước;

c) Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi phí quản lý.”

**15. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 7 như sau:**

“2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đơn vị sự nghiệp công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập.”

**16. Bãi bỏ quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7**

**17. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 như sau:**

“1. Doanh nghiệp nhà nước, căn cứ vào nhu cầu hoạt động khoa học và công nghệ và khả năng sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm, phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.”

**18. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9.**

**19. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 10 như sau:**

Phương án 1: “Mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp.”

Phương án 2: “Mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.”

**20. Bổ sung điểm i khoản 3 Điều 10 như sau:**

“Chỉ cho đầu tư hình thành và duy trì hoạt động của các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; đặt hàng mua các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.”

**21. Bổ sung điểm k khoản 3 Điều 10 như sau:**



“Chỉ cho hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp: thuê chuyên gia tư vấn các giải pháp chuyển đổi số về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; mua sắm hoặc thuê các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh; thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp.”

**22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 11 như sau:**

“a) Doanh nghiệp nhà nước phải nộp về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố.”

**23. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau:**

“6. Các doanh nghiệp đã đóng góp vào Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố tại Điểm a Khoản 5 Điều này khi có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần sử dụng kinh phí có quyền yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố.

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố nơi đã nhận điều chuyển có trách nhiệm hỗ trợ bằng số kinh phí đã điều chuyển theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Sau 05 năm kể từ khi doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố, nếu doanh nghiệp không có yêu cầu sử dụng số kinh phí đã đóng góp thì không được yêu cầu Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố hỗ trợ bằng số đã đóng. Nguồn đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố sau 5 năm được bổ sung nguồn kinh phí của các Quỹ để dùng cho các hoạt động tài trợ, cho vay theo điều lệ Quỹ. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố hàng năm có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án xử lý số kinh phí tồn dư cơ quan quản lý cấp trên để xử lý theo quy định.”

**24. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 14 như sau:**

“2. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành thông qua hệ thống quỹ phát triển khoa học và công nghệ các cấp hoặc các đơn vị dự toán các cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc cấp kinh phí vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước được thực hiện căn cứ theo tiến độ xác định trong hợp đồng do cơ quan có thẩm quyền ký với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ và tiến độ giải ngân thực hiện nhiệm vụ.”

**25. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 như sau:**



“3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với cơ quan chủ quản kiểm tra, giám sát và đôn đốc các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh, cơ quan chủ quản tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tại các bộ, ngành, địa phương để bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ tại các bộ, ngành, địa phương để bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.”

#### **26. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 15 như sau:**

“a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm cuối cùng được xác định yêu cầu khoa học cần đạt, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng dự kiến; được hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn, xét giao trực tiếp xác định đáp ứng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; được chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì chấp nhận;”

#### **27. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 15 như sau:**

“a) Cá nhân và tổ chức phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm đôn đốc tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn trả ngân sách nhà nước số kinh phí phải nộp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật;”

#### **28. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:**

“4. Việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo tiến độ giải ngân kinh phí và quyết toán theo niên độ ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

#### **29. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 như sau:**

“a) Cá nhân và tổ chức phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm đôn đốc tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn trả ngân sách nhà nước số kinh phí phải nộp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật”

#### **30. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 16 như sau:**



“4. Việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí được thực hiện theo tiến độ giải ngân kinh phí và quyết toán theo niên độ ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2024.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**



Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO****BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

**I. Xác định vấn đề bất cập****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền, nhờ đó đã hình thành đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về khoa học và công nghệ, góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&CN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Điều 14 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và các thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.



Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh những hạn chế trong chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ như: đầu tư cho KH&CN dàn trải, chông chéo chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn; cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN chưa phù hợp; cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KH&CN đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến... Bên cạnh đó, trước những thay đổi và yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương của Đảng cũng như những điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và đấu thầu.

Do vậy, cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung nội dung tại 09 Điều gồm: Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN; Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN; Điều 7 về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Điều 9, Điều 10 và Điều 11 quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; Điều 14, Điều 15 và Điều 16 quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

## 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

### 2.1. Mục tiêu tổng thể

Tại Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, ...; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.”*; *“Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”*.

Tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số.”*; *“Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực*



ngiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số”.

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã đề ra nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm từ 2% tổng chi ngân sách trở lên theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thống kê, tổng hợp số liệu, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ tại các cơ quan, địa phương. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục thanh, quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế giao khoán sản phẩm... Giải quyết hiệu quả các vướng mắc để giải phóng tối đa nguồn lực từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội, tại khoản 4 Mục IV Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ “Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ”.



Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2026, tại điểm h khoản 1 phần A mục III của Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ: “...*ngiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”.

Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc, tại khoản 6 Chỉ thị đề ra nhiệm vụ: “*Ngiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất trong đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức KH&CN, các cá nhân hoạt động KH&CN, góp phần giảm thiểu thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.

## II. Đánh giá tác động của chính sách

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tập trung vào các nhóm chính sách. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các quy định bổ sung, cụ thể hóa hoặc sửa đổi quy định hiện hành, hoặc đề xuất các quy định mới.

### 1. Chính sách 1: hoàn thiện quy định nội dung chi NSNN cho KH&CN

#### 1.1. Xác định vấn đề bất cập



Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thực tế phát hiện thấy: các nội dung chi của ngân sách nhà nước (NSNN) cho khoa học và công nghệ (KH&CN) chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh đối với các nội dung chi phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST). Cụ thể như sau:

- Điểm a khoản 1 chưa quy định về kinh phí cải tạo, sửa chữa tài sản công nhằm nâng cấp, mở rộng tài sản công.

- Điểm a khoản 1 chưa quy định về quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Quy định này nhằm đáp ứng các quy định tại văn bản:

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: *“Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.”*

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: *“b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.”* (điểm b khoản 2 mục IV).

- Khoản 1 chưa có quy định về việc áp dụng quy định pháp luật về đầu tư đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN sử dụng các nguồn vốn khác nhau ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển từ NSNN.

- Điểm b khoản 2 chưa được sửa đổi phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các nội dung: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

- Điểm k khoản 2 chưa quy định về việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/SCOPUS nhằm khuyến khích các nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu KH&CN trên các tạp chí uy tín của thế giới.



- Điểm m khoản 2 chưa quy định rõ về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công. Đồng thời chưa quy định về mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công.

- Khoản 2 chưa có quy định về chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo nhằm duy trì và hỗ trợ hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo, bao gồm: hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ đào tạo về năng lực quản trị, mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Lý do: Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 2 mục IV.

- Bổ sung làm rõ quy định tại điểm n khoản 2 về việc hướng dẫn các khoản chi khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

### ***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN nhằm phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công nhằm phục vụ nâng cao tiềm lực KH&CN&ĐMST.

### ***1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:



**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 1.2 nói trên.

#### **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **1.4.1. Phương án 1**

###### **a) Tác động về kinh tế, xã hội:**

###### **a1) Tác động tích cực:**

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và không tăng chi NSNN cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

###### **a2) Tác động tiêu cực:**

- Đối với Nhà nước: hiệu lực, hiệu quả quản lý bị giảm sút, không phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, không đáp ứng nhu cầu chỉ cho hoạt động ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không đáp ứng nhu cầu chi của tổ chức, cá nhân.

###### **b) Tác động về giới:**

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### **c) Tác động về thủ tục hành chính:**

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

###### **d) Tác động tới hệ thống pháp luật:**

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### **1.4.2. Phương án 2:**

###### **a) Tác động về kinh tế, xã hội:**

###### **a1) Tác động tích cực:**

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, về đầu tư công, đáp ứng nhu cầu hoạt động KH&CN&ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện đúng quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, hoạt động KH&CN&ĐMST hiệu quả.

###### **a2) Tác động tiêu cực:**



- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

*b) Tác động về giới*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Việc áp dụng các nội dung chỉ cho hoạt động ĐMST sẽ phát sinh thủ tục hành chính có liên quan.

*d) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### ***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

## **2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN.**

### ***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Quá trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán NSNN cho KH&CN tại các địa phương, việc phối hợp và vai trò tổng hợp của Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT trong việc hướng dẫn và tổng hợp dự toán ngân sách KH&CN địa phương chưa đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công. Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vào các Quỹ KH&CN các cấp



chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định về cơ bản chưa được thành lập.

## **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Sửa đổi và hoàn thiện các quy định về xây dựng, lập và phân bổ NSNN cho KH&CN phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

## **2.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 2.2 nói trên.

## **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

### **2.4.1. Phương án 1**

#### **a) Tác động về kinh tế, xã hội:**

##### **a1) Tác động tích cực:**

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực NSNN chỉ cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

##### **a2) Tác động tiêu cực:**

- Đối với Nhà nước: quy trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phát sinh tác động tiêu cực.

#### **b) Tác động về giới:**

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

#### **c) Tác động về thủ tục hành chính:**

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

#### **d) Tác động tới hệ thống pháp luật:**

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.



#### 2.4.2 Phương án 2:

##### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

###### a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công cũng như phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện theo quy định định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

###### a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không có.

##### b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

##### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

##### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.



### **3. Chính sách 3: hoàn thiện quy định Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

#### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

- Theo quy định tại khoản 19 Điều 4 và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN, quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước phải hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN; NSNN không hỗ trợ chi phí quản lý của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Do vậy, cần thiết phải rà soát quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP.

- Rà soát quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công để xác định mô hình hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP.

- Rà soát các quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo các nội dung hoạt động ủy thác của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

#### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Hoàn thiện các quy định về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo hoạt động đúng quy định và hiệu quả.

#### **3.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 3.2 nói trên.

#### **3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **3.4.1. Phương án 1**

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật.



- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phải hướng dẫn, trả lời các vướng mắc phát sinh trong quá trình Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoạt động.

- Đối với các cơ quan, tổ chức: gặp khó khăn trong quá trình quản lý, triển khai hoạt động liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do các quy định về hoạt động của Quỹ chưa phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3.4.2. Phương án 2:

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thuận lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.



*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách giúp giảm bớt thủ tục hành chính trong triển khai hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đối với các hoạt động ủy thác và nhận ủy thác.

*d) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.
- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý đối với Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**4. Chính sách 4: sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

**4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Trong thời gian qua, hành lang pháp lý về hoạt động của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được hoàn thiện. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành không còn phù hợp với các quy định liên quan hoặc thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp chưa đầy đủ, đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng cao dựa trên KHCN&ĐMST. Cụ thể:

- Tỷ lệ trích lập tối thiểu Quỹ của doanh nghiệp Nhà nước không đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác; gây ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.
- Quy định tại khoản 3 Điều 9 chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 20



của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 39/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 cần điều chỉnh như sau: “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*” phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “*Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*”.

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các cơ sở ương tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

- Quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 11 về việc các doanh nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương có quyền yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN về cơ bản chưa được thực hiện, tồn dư lớn số tiền các doanh nghiệp chuyển về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Hoàn thiện các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

#### **4.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**



Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 4.2 nói trên với nội dung: "Mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp."

**Phương án 3:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 4.2 nói trên với nội dung: "Mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp."

#### **4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **4.4.1. Phương án 1**

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém kinh phí đầu tư.
- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển của KHCN&ĐMST tại doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.

##### **4.4.2. Phương án 2:**

a) Tác động về kinh tế, xã hội:



a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.
- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.
- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.
- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4.4.3. Phương án 3:

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.



- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KH&CN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với doanh nghiệp.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 3 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý và nhu cầu hoạt động, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.



## **5. Chính sách 5: sửa đổi, bổ sung về cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN**

### **5.1. Xác định vấn đề bất cập**

Trong quá trình quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, có một số bất cập phát sinh như: việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp cần rà soát đánh giá để phù hợp với các quy định pháp luật về NSNN và thực tế; tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng của khoản chi đến sản phẩm cuối cùng chưa phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; vướng mắc trong quá trình thực hiện khoản chi từng phần...

### **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Hoàn thiện các quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, thông lệ quốc tế và thực tế triển khai.

### **5.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 5.2 nói trên.

### **5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

#### **5.4.1. Phương án 1**

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn thời gian nghiên cứu, hoàn thiện hành lang pháp lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ hữu dụng để thúc đẩy hoạt động KH&CN hiệu lực, hiệu quả.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Tác động về giới:



Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không thay đổi hệ thống pháp luật.

#### 5.4.2. Phương án 2:

a) Tác động về kinh tế - xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.
- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.
- Đối với các tổ chức, cá nhân: nghiên cứu các quy định mới để triển khai.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.
- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và xu thế phát triển KH&CN của thế giới.



- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

## **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi công văn (Công văn số /BKHCN-KHTC ngày .../.../2024) để lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp, cũng như đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (từ ngày .../.../2024) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày .../.../2024) để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân liên quan.

Tính đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ...ý kiến góp ý (ý kiến của ... bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, .. tỉnh, thành phố,...doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu và giải trình nhằm hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (danh sách chi tiết các cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến được thể hiện trong Phụ lục đính kèm Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến).

## **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

### **1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành**

Việc tổ chức thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Do đó trách nhiệm thi hành Nghị định là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Chính phủ tổ chức thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

### **2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách**

Giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị định thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của



Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị định trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**



**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Triển khai thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Sau gần 10 năm thực hiện, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định và không phát sinh vướng mắc lớn cần thay thế Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Việc sửa đổi Nghị định số 95/2014/NĐ-CP xuất phát từ những bất cập trong thực hiện đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và sự thay đổi của pháp luật có liên quan.

**I. Kết quả đạt được**

*1. Hệ thống quy định pháp luật về cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ban hành kịp thời, đồng bộ*

Trong thời gian qua, Chính phủ đã nỗ lực trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&CN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực ĐMST của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Điều 14 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân



sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hệ thống pháp luật nêu trên đã tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý lý tài chính cho hoạt động KH&CN.

Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên cơ sở dự toán nguồn NSNN được phê duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, được cụ thể hóa tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC. Nội dung khoán chi tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC được thực hiện theo tinh thần quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

Về cơ bản, các tổ chức được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN đã sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí vào mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Công tác thanh quyết toán kinh phí đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ. Công tác quản lý việc sử dụng kinh phí cơ bản chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách quy định. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc báo cáo theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

## *2. Về đầu tư kinh phí chi sự nghiệp KH&CN*

Việc thực hiện kế hoạch và xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Việc phân bổ giao dự toán NSNN, quản lý và sử dụng kinh phí chi sự nghiệp KH&CN đảm bảo nguồn lực thực hiện đầy đủ, kịp thời các hoạt động KH&CN, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của ngành KH&CN. Tuy nhiên, trong bối cảnh cân đối chi NSNN còn khó khăn, chi thường xuyên cho hoạt động KH&CN được Quốc hội thông qua trung bình trong giai đoạn 2016-2020 vào khoảng 0,79% tổng chi NSNN.

## *3. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp cho KH&CN*

*a) Kinh phí sự nghiệp KH&CN trung ương tập trung đầu tư để triển khai một số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, trong đó nhiệm vụ cấp quốc gia trọng tâm bao gồm: (i) Triển khai thực hiện các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia; (ii) Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình/Đề án KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao cho các Bộ ngành thực hiện; (iii) Chương trình KH&CN phục vụ Chương trình Mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới; (iv) triển khai Chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng nông thôn và miền núi;*



và (v) Các nhiệm vụ KH&CN trọng tâm đã được thống nhất trong Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ KH&CN với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; các Chương trình trọng điểm, nhiệm vụ cấp bách do các cấp có thẩm quyền giao; tăng cường năng lực nghiên cứu và sửa chữa chống xuống cấp của các tổ chức KH&CN...

*b) Kinh phí SNKH địa phương:* Qua số liệu tổng hợp, thực tế kiểm tra, khảo sát tại một số địa phương có thể nhận thấy, trong điều kiện kinh tế, ngân sách nhà nước (NSNN) còn khó khăn nhưng các địa phương luôn quan tâm đầu tư cho hoạt động KH&CN, trong đó nguồn ngân sách sự nghiệp chỉ cho KH&CN được nhiều địa phương bố trí cao hơn số Trung ương giao. Hầu hết các địa phương đều sử dụng hết số kinh phí được UBND tỉnh/thành phố phê duyệt.

Theo báo cáo, các địa phương dành 60 - 70% kinh phí sự nghiệp KH&CN cho công tác nghiên cứu, ứng dụng. Với chủ trương hoạt động nghiên cứu triển khai phải tập trung theo hướng ứng dụng là chính vì thế các địa phương đã rất chú trọng công tác này, nhất là đối với các kết quả có khả năng thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương và của Vùng.

Trong kinh phí sự nghiệp KH&CN, chi thường xuyên đảm bảo duy trì hoạt động và sở vật chất của các tổ chức KH&CN công lập, hỗ trợ một phần kinh phí triển khai các nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập, duy trì và trả lương cho nhân lực KH&CN ở khu vực nhà nước. Chi nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN theo yêu cầu phát triển của ngành, địa phương phục vụ quản lý nhà nước của bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

#### *4. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi đầu tư phát triển cho KH&CN*

Về nguồn vốn đầu tư: Bộ KH&ĐT có trách nhiệm hướng dẫn, tổng hợp kế hoạch vốn và phương án phân bổ vốn đầu tư KH&CN cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Bộ KH&CN không có thông tin trong quá trình phân bổ nguồn vốn này. Tuy nhiên, theo số liệu tổng hợp báo cáo từ các địa phương, tổng ngân sách sự nghiệp chỉ cho đầu tư phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020 là 10.627,7 tỷ đồng. Thống kê theo từng Vùng cho thấy, cao nhất là Vùng Đông Nam Bộ 6.544,9 tỷ đồng (chiếm 61,58%), tiếp đến vùng Đồng bằng Sông Hồng 1.559,5 tỷ đồng (chiếm 14,67%), thấp nhất là vùng Nam Trung Bộ 177,7 tỷ đồng (chiếm 1,67%).

#### *5. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*

Theo thống kê của Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, số tiền và số doanh nghiệp trích lập Quỹ không nhiều; việc sử dụng số tiền từ Quỹ chỉ cho hoạt động KH&CN chỉ đạt 60%.

Giai đoạn 2015-2021, số tiền trích lập Quỹ cả nước đạt trên 23.000 tỷ đồng và sử dụng trên 14.000 tỷ đồng đã góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp



đã chủ động trích lập và sử dụng hiệu quả nguồn lực này cho hoạt động KH&CN&ĐMST của doanh nghiệp.

Theo số liệu về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 do Tổng cục thuế cung cấp tại Văn bản số 4873/TCT-KK ngày 01/11/2023, có khoảng 220 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ trong năm 2022 với tổng số tiền trích lập là khoảng 6.500 tỷ; số Quỹ được sử dụng khoảng 3.200 tỷ, trong đó số Quỹ được sử dụng từ nguồn trích lập trong năm 2022 là khoảng 848 tỷ. So sánh với năm 2021 (có 254 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ với tổng số tiền trích lập là 3.349 tỷ đồng, số Quỹ được sử dụng là 684 tỷ đồng) cho thấy số liệu về trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 đã có sự gia tăng đáng kể so với năm 2021.

## **II. Tồn tại, hạn chế**

### **1. Về đầu tư cho hoạt động KH&CN**

*Về chi đầu tư phát triển KH&CN:* Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, mục tiêu chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế. Trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế, tồn tại sau: (1) Phân bổ vốn đầu tư còn chông chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 về Chiến lược phát triển KH&CN&ĐMST đến năm 2030; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020). Nguyên nhân khi phân bổ vốn đầu tư chưa tuân thủ đầy đủ nguyên tắc, còn dàn trải, trùng lặp, chưa đáp ứng theo định hướng mục tiêu chiến lược KH&CN&ĐMST, kế hoạch trung hạn đã được xác định. (2) Nội dung chi sự nghiệp KH&CN quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 chỉ gồm “*m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN*”. Tuy nhiên trong thực tế, việc đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu bao gồm mua sắm máy móc, trang thiết bị nghiên cứu của các tổ chức KH&CN đang được lập dự toán và phân bổ bằng nguồn sự nghiệp KH&CN, việc mua sắm trang thiết bị máy móc chưa thực hiện theo Luật Đầu tư công. (3) Việc đầu tư và duy trì hoạt động các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia chưa được quan tâm đúng mức, kinh phí còn dàn trải, thiếu tập trung và hiệu quả hoạt động chưa cao.

*Về chi sự nghiệp KH&CN:* (1) Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu để tham mưu chính sách phục vụ quản lý nhà nước là chưa phù hợp dẫn đến đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu. (2) Kinh phí chi thường xuyên và các nhiệm vụ theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP không được quy định và điều chỉnh bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. (3) Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các



nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 vào các Quỹ KH&CN các cấp chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định về cơ bản chưa được thành lập. (4) Hoạt động của các Quỹ phát triển KH&CN còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng do còn vướng mắc cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính theo các quy định của pháp luật về KH&CN và NSNN.

## *2. Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN*

Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học khi vẫn tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc: (1) Khó khăn trong xác định ngày công khi thẩm định nhiệm vụ KH&CN, thiếu cơ sở xác định trong lĩnh vực khoa học xã hội và chưa theo học hàm học vị mà chỉ theo chức danh tham gia thực hiện, định mức ngày công đối với các thành viên tham gia còn thấp, chưa đủ để khích lệ nhà khoa học tham gia nghiên cứu, việc sử dụng hệ số nhân với mức lương cơ sở còn thấp và sẽ không phù hợp với đề án tiền lương mới theo chức danh và vị trí việc làm đang hướng tới, chưa có quy định tiêu chí để xác định số lượng thành viên và thời gian tham gia; (2) Hệ số tiền công thấp và thời gian làm thêm giờ không quá 200 giờ/năm khiến mức tiền công nghiên cứu KH&CN quá thấp, không đủ đảm bảo thu nhập và chưa phải mức đãi ngộ xứng đáng với chất xám và công sức của nhà khoa học; (3) Định mức của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thấp tuy nhiên vai trò rất quan trọng trong việc định hướng nghiên cứu, ra đầu bài cho nhiệm vụ; (4) Chưa có định mức tiền công thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài nên khó khăn trong việc thương thảo hợp đồng khoán việc hay chọn chuyên gia phù hợp với mức kinh phí hội đồng sẽ chấp thuận; (4) Nhiều nhiệm vụ cần có tổ chuyên gia kỹ thuật hỗ trợ để cung cấp thông tin cho hội đồng thẩm định, đánh giá nhiệm vụ nhưng chưa có nội dung, định mức chi; (5) Chưa có quy định trả thù lao bổ sung cho hoạt động điều phối quản lý chương trình KH&CN của các đơn vị quản lý; (6) Thực tế việc dự toán công lao động theo các chức danh nhưng khi thanh quyết toán lại là khoán chi nên cần quy định rõ hồ sơ thanh quyết toán để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau: có cần bảng chấm công hay không, ký hợp đồng giao việc và chuyển tiền cho từng người hay cho đầu mối chịu trách nhiệm chính.

*Về ban hành và thực hiện cơ chế khoán chi:* Thực tế khi triển khai cơ chế khoán chi theo Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN- BTC, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến; chủ yếu triển khai đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản tài trợ thông qua Quỹ Nafosted<sup>1</sup>.

Mục tiêu của cơ chế khoán chi là giảm ràng buộc về thủ tục hành chính, chứng từ chi tiêu để các nhà khoa học có thể tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học; nhưng với các chính sách hiện nay, ngoài việc được tự chủ trong

<sup>1</sup> Năm 2016 có 42 nhiệm vụ; 2017 có 77 nhiệm vụ; 2018 có 52 nhiệm vụ; 2019 có 57 nhiệm vụ; 2020 có 42 nhiệm vụ.



việc điều chỉnh dự toán các nội dung chi khoán hay điều chỉnh định mức chi của các nội dung khoán; việc chi tiêu, thanh toán các nhiệm vụ KH&CN vẫn phải chịu sự điều chỉnh của Luật Kế toán, Luật NSNN, Luật Đấu thầu. Mặc dù Thông tư số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC đã đơn giản thủ tục kiểm soát chi của KBNN, nhưng trách nhiệm kiểm soát chi lại giao cho các đơn vị quản lý kinh phí thuộc các Bộ, ngành và các tổ chức chủ trì; nhà khoa học vẫn phải hoàn thiện các chứng từ thực thanh, thực chi hợp pháp cho các nội dung thanh toán; vẫn phải thực hiện các thủ tục liên quan đến đấu thầu mua sắm; vẫn phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về việc sử dụng NSNN (trong khi hiệu quả của hoạt động nghiên cứu có độ trễ, chưa được chứng minh ngay thì trách nhiệm sử dụng NSNN thường được kiểm soát bằng sự minh bạch, đầy đủ của chứng từ chi tiêu).

Việc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng nhằm trao quyền chủ động cho chủ trì nhiệm vụ; đơn giản hóa trong việc thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, được coi là bước đột phá trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, các đề tài, dự án phải đảm bảo “*đã xác định được rõ tên sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng*”. Nếu theo tiêu chuẩn này gần như 100% đề tài, dự án nghiên cứu đã đạt tới sản phẩm cuối cùng với số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra và địa chỉ ứng dụng. Điều này chưa phù hợp với thực tế và tính chất rủi ro của hoạt động nghiên cứu khoa học.

Sản phẩm của đề tài, nhiệm vụ KH&CN còn có nhiều yếu tố vô hình khó lượng hoá, đánh giá rõ ràng thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật; Kho bạc nhà nước (KBNN) không thực hiện kiểm soát chi tuy nhiên khối lượng các chứng từ chi tiêu, đấu thầu mua sắm mà tổ chức chủ trì phải lưu giữ để phục vụ cho thanh, kiểm tra gần như không thay đổi so với phương thức khoán chi từng phần trong khi lại bị hạn chế trong việc điều chỉnh một số nội dung của nhiệm vụ;....

Khi hoạt động nghiên cứu KH&CN không được áp dụng các cơ chế đặc thù hơn so với các dòng chi khác từ NSNN (từ việc phân bổ, giao dự toán, đấu thầu, thanh quyết toán, chứng từ chi tiêu) đối với việc kiểm soát chi của KBNN; đối với sự kiểm tra của cơ quan thanh tra, kiểm toán; đối với trách nhiệm của đơn vị quản lý dự toán NSNN; ... thì rất khó có được một cơ chế tài chính thực sự đơn giản hóa, thực sự cởi trói cho các nhà khoa học trong việc thanh quyết toán kinh phí NSNN.

*Về ban hành các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính nhiệm vụ, chương trình KH&CN:* Việc ban hành một số thông tư quản lý tài chính thực hiện chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia còn chậm, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, triển khai thực hiện Chương trình; Các quy định về thủ tục thanh, quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn phức tạp; Các quy định về định mức chi phân bổ, xây dựng dự toán kinh phí chưa thực sự phù hợp, chưa theo kịp bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước (ví dụ: vấn đề về định mức ngày công, vấn đề căn cứ xác định số lượng ngày công, dự toán kinh



phí có độ lệch so với thực tế tại thời điểm triển khai do quá trình xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kéo dài...).

*Về ban hành và thực hiện các quy định về xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ sử dụng NSNN:* Khó khăn, vướng mắc nhất hiện nay là vướng mắc trong việc triển khai áp dụng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước (Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.... và các thông tư hướng dẫn). Tài sản hình thành từ kết quả từ nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn nhà nước có rất nhiều đặc thù (vô hình, hữu hình, những sản phẩm mới chưa có trên thị trường, rất nhiều loại tài sản trong các lĩnh vực khác nhau và có cả những yếu tố rủi ro); tuy nhiên cơ chế quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hiện hành đang được xây dựng như những tài sản hữu hình từ các ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước mà chưa phù hợp với đặc thù của các sản phẩm KH&CN. Dẫn đến có nhiều bất cập, như: xác định phạm vi tài sản trang bị cần xử lý; cơ chế tính hao mòn/khấu hao của tài sản trang bị; quy trình, thủ tục, thẩm quyền xử lý tài sản; việc xác định giá tài sản là kết quả của các nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp với đặc điểm của loại tài sản này, tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho người thực hiện; quy định về thương mại hoá tài sản là kết quả của nhiệm vụ KN&CN chưa rõ, chưa phù hợp và khó thực hiện; quy định về đối tượng được nhận giao tài sản là kết quả từ các nhiệm vụ KH&CN còn hạn chế... Đây cũng là những hạn chế ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu KH&CN và việc quản lý, khai thác có hiệu quả tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN.

*Về xây dựng và thực hiện các quy định về thương mại hoá kết quả nghiên cứu:* theo thông lệ quốc tế, khoản kinh phí NSNN cấp cho các đề tài là các khoản hỗ trợ, không phải là các khoản đầu tư, không tính toán phân chia lợi nhuận như các khoản đầu tư. Theo đó các viện, trường, doanh nghiệp của các nước được chủ động thương mại hóa các kết quả nghiên cứu và tự chủ về nguồn thu từ hoạt động này. Ở nước ta, các khoản chi từ NSNN cho các đề tài là khoản đầu tư từ NSNN, được tính toán phân chia lợi nhuận từ kết quả của hoạt động đầu tư. Việc định giá và phân chia lợi nhuận tiềm ẩn nhiều rủi ro vi phạm pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân của việc tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu thấp.

Về việc thương mại hoá các kết quả nghiên cứu, theo thông lệ chung trên thế giới thì kết quả nghiên cứu của đề tài (không bao gồm nghiên cứu cơ bản) được phân thành 03 nhóm là: (1) có thể thương mại hóa ngay sau kết thúc nghiên cứu; (2) các kết quả cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện từ quy mô thử nghiệm để có thể thương mại hóa và (3) Đề tài không thành công. Qua rà soát đánh giá các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, Bộ KH&CN nhận thấy đang tồn tại một số vấn đề trái với quy luật phát triển khách quan của KH&CN; trái với thông lệ và thực tiễn pháp lý của các nước phát triển khi họ ở cùng ngưỡng trình độ công nghệ tương tự Việt Nam hiện nay. Các vướng mắc đang tạo ra điểm nghẽn của việc đưa kết quả nghiên cứu vào trong khu vực sản xuất kinh doanh bao gồm: (i) Vướng mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (ii) Vướng mắc



trong định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iii) Vương mắc về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iv) Vương mắc về cơ chế thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; (v) Vương mắc trong cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học.

### *3. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*

*Chưa bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp:* Cùng là doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp nhà nước phải trích lập từ 3-10% lợi nhuận trước thuế, trong khi các doanh nghiệp khác thì chỉ quy định trích lập tối đa 10%, thậm chí không trích lập Quỹ. Điều này đi ngược lại chính sách khuyến khích huy động nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

*Tỉ lệ trích lập Quỹ chưa phù hợp cơ cấu và quy mô doanh nghiệp Việt Nam:* Đặc thù ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số, nguồn thu nhập trước thuế của các doanh nghiệp này không lớn, nếu áp dụng cùng tỉ lệ trích lập Quỹ tối đa 10%/năm thì số tiền trích lập Quỹ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất nhỏ, cho dù có cộng dồn 5 năm vẫn không đủ để doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Mặt khác, doanh nghiệp FDI có nhu cầu và tốc độ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ rất lớn nhưng qua khảo sát thực tế gần như không có doanh nghiệp FDI nào trích lập Quỹ này. Điều này cho thấy các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp.

*Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về Quỹ chưa đồng bộ và chặt chẽ:* Thiếu chế tài xử lý doanh nghiệp nhà nước không trích lập hoặc trích lập không đủ tỉ lệ tối thiểu 3% theo quy định dẫn đến tình trạng tỉ lệ doanh nghiệp trích lập Quỹ và số tiền Quỹ được trích lập đều rất thấp.

*Quy định pháp luật về Quỹ chưa phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp:* Khoản 11 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 quy định “Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...”, trong khi pháp luật về Quỹ lại căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2014, theo đó “doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Điều này dẫn đến bất cập trong việc xử lý vi phạm về trích lập Quỹ của doanh nghiệp nhà nước có tỉ lệ trích lập Quỹ tối thiểu trong năm thấp hơn 3%.

*Việc trích lập Quỹ đôi khi làm ảnh hưởng đến tiêu chí đánh giá, xếp loại doanh nghiệp:* Một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Nghị định số 87/2015/NĐ-CP) là tiêu chí doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận trên



vốn chủ sở hữu... Việc trích lập, tăng trích lập Quỹ sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, trực tiếp ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp e ngại về rủi ro pháp lý sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông, thương hiệu, uy tín và xếp hạng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán do quy định phải nộp thuế và tiền chậm nộp cho số Quỹ chi không hết sau 05 năm.

*Thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh:* Doanh nghiệp để có thể đầu tư đổi mới máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh cần thực hiện theo một quy trình kỹ lưỡng nhiều giai đoạn từ lúc có ý tưởng, lựa chọn công nghệ đến khi triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và kéo dài nhiều năm tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Do vậy, quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN và điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 67/2022/TT-BTC cho phép doanh nghiệp được sử dụng Quỹ mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh trong hai năm là 2022 và năm 2023 (thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện.

*Khó phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nội dung chi của Quỹ cho nghiên cứu KH&CN:* Các văn bản pháp luật quy định doanh nghiệp khi hình thành Quỹ phải xây dựng các quy chế, điều lệ quy định về việc trích lập và sử dụng Quỹ gửi các cơ quan hữu quan gồm Sở KH&CN, Sở Tài chính, Cục thuế địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký thuế để làm căn cứ cho doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ và làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước đối chiếu, giám sát, thanh tra, kiểm tra. Việc quản lý nhà nước về Quỹ áp dụng theo chế độ hậu kiểm, trong khi hướng dẫn nội dung chi còn thiếu cụ thể dễ dẫn đến rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp. Chưa quy định cơ quan chịu trách nhiệm chính quản lý về Quỹ và cơ chế giám sát nội dung chi của Quỹ, quyết toán chi của Quỹ; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về Quỹ.

*Nhiều quy định mới nhưng vẫn chưa tương thích, đồng bộ:* Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ KH&CN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã thay thế một số điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN). Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN về cơ bản đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung chi mới của Quỹ. Tuy nhiên, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vẫn chưa được sửa đổi, trong đó nhiều nội dung chi có tính chất KH&CN tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP<sup>2</sup> được chi bằng NSNN, nhưng lại không được chi bằng Quỹ (Điều 10 Nghị định 95/2014/NĐ-CP), mặc

<sup>2</sup> Chi hỗ trợ hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, khen thưởng KH&CN, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế...



dù bản chất Quỹ cũng một phần là NSNN và nhiều nội dung chi khác của Quỹ lại chưa cụ thể, rõ ràng, thủ tục còn phức tạp, khó thực hiện.

*Thủ tục hành chính trong kiểm soát chi của Quỹ chưa linh động và chưa phù hợp với tính đặc thù của Quỹ (đối với doanh nghiệp nhà nước):* Nguồn trích lập Quỹ từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp nhà nước, về bản chất chỉ có một phần là NSNN nhưng áp đặt toàn bộ nguyên tắc quản lý NSNN cho các hoạt động có tính rủi ro cao, thiếu tính ổn định theo năm mà phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định. Do đó việc áp đặt các nguyên tắc quản lý NSNN cho quản lý Quỹ là không phù hợp, hạn chế sự chủ động của doanh nghiệp như được quy định tại Điều 63 Luật KH&CN “*Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập*”. Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về đấu thầu dự án đầu tư mất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

*Quy định pháp luật về xử lý Quỹ được trích lập nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% chưa khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ và tích lũy Quỹ cho các dự án nghiên cứu dài hạn:* Theo quy định, sau 05 năm trích lập nếu Quỹ chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% sẽ được xử lý như sau: (1) phải điều chuyển toàn bộ nguồn Quỹ còn lại cho Quỹ quốc gia, Quỹ của Bộ, hoặc Quỹ cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế và sẽ được hỗ trợ lại khi doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng cho nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp với số tiền hỗ trợ bằng hoặc cao hơn số tiền doanh nghiệp đã điều chuyển. Tuy nhiên, để được sử dụng số Quỹ đã điều chuyển, doanh nghiệp phải làm các thủ tục rất chặt chẽ, mất nhiều thời gian, làm nản lòng doanh nghiệp, trong khi về thực chất nguồn này là thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải được tự quyết định; (2) riêng đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi phạt chậm nộp tính trên số tiền Quỹ còn lại, trong khi phần Quỹ còn lại sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế thực chất là thu nhập của doanh nghiệp, có thể được hoàn lại thu nhập cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định pháp luật về Quỹ chưa quy định nội dung này nên doanh nghiệp không thể thực hiện được<sup>3</sup>. Trong khi đó, các khoản chi kể cả chi cho đầu tư và nghiên cứu khoa học phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp đều được đưa vào chi phí và được khấu trừ trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thủ tục chi đơn giản hơn nhiều so với chi từ Quỹ.

*Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ còn nhiều bất cập:* Điều 13 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC nay được quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, tài sản cố định hình thành từ Quỹ chưa hết hao mòn nếu chuyển

<sup>3</sup> Tại Tập đoàn Viễn thông Việt Nam (VNPT) việc hoàn lại thu nhập chỉ được cơ quan Kiểm toán chấp thuận khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, hướng dẫn này chỉ mang tính cá biệt hướng dẫn từng năm theo từng văn bản kiến nghị của doanh nghiệp.



sang phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì phải hạch toán vào *thu nhập khác* và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong một số loại hình doanh nghiệp mức thuế này cao hơn rất nhiều so với mức thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<sup>4</sup>. Về bản chất doanh nghiệp chỉ có thu nhập từ các kỳ kinh doanh trong quá trình sử dụng tài sản nhưng đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với toàn bộ giá trị tài sản ngay tại thời điểm chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến việc không khuyến khích doanh nghiệp chi mua sắm tài sản phục vụ nghiên cứu khoa học từ nguồn Quỹ hoặc nếu có mua sắm tài sản thì trì hoãn chuyển tài sản hành thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh và điều này đi ngược lại quan điểm và mục tiêu hình thành Quỹ để thúc đẩy doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ.

*Thủ tục mua sắm phục vụ nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp tình hình thực tế:* Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về *đấu thầu dự án đầu tư* với thủ tục phức tạp, mất rất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

*Quy định về lãi suất tính lãi chậm nộp không còn phù hợp:* Lãi chậm nộp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ được trích lập khi không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% được tính theo lãi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 1 năm không còn phù hợp với thực tế thị trường trái phiếu hiện nay; không phù hợp với các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội<sup>5</sup>, Bộ Tài chính đã không còn phát hành trái phiếu ngắn hạn 01 năm nhằm giảm áp lực đảo nợ của NSNN trong ngắn hạn, đảm bảo an toàn nền tài chính quốc gia.

*Vẫn còn thiếu các quy định hướng dẫn về Quỹ:* Chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức, quy trình triển khai ở các nội dung chi: Cụ thể là thiếu định mức, quy trình theo từng nội dung chi của Quỹ như mua quyền sử dụng, quyền sở hữu<sup>6</sup>; định mức chi thuê chuyên gia, các nội dung được phép thuê chuyên gia, tiêu chuẩn chuyên gia; chưa hướng dẫn cụ thể trong sử dụng Quỹ để bố trí kinh phí đối ứng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển hợp tác với các tổ chức KH&CN trong

<sup>4</sup> Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần sản xuất kinh doanh chính với mức 5%, nhưng khi doanh nghiệp chuyển phần tài sản hình thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải hạch toán vào thu nhập khác với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%, nghĩa là doanh nghiệp phải nộp thêm 15% thuế so với trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

<sup>5</sup> Nghị quyết số 78/2014/QH13, Nghị quyết số 99/2015/QH13, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 23/2021/QH15...

<sup>6</sup> Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện, xác định/thẩm định bí quyết công nghệ, kiến thức kỹ thuật được chuyển giao, thẩm định giá công nghệ;



và ngoài nước; về trách nhiệm của doanh nghiệp khi sử dụng Quỹ cho các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thành công vì các yếu tố khách quan; chưa có hướng dẫn giải quyết rủi ro trong hợp đồng đào tạo nhân lực KH&CN<sup>7</sup>; chưa hướng dẫn trường hợp hoàn nhập thu nhập đối với khoản trích lập Quỹ sau 05 năm không sử dụng hết sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nộp về Quỹ Quốc gia, Quỹ của Bộ, ngành, địa phương.

### **III. Đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN**

1.1. Bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 về kinh phí cải tạo, sửa chữa tài sản công nhằm nâng cấp, mở rộng tài sản công.

Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;” và tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “a) Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn;”.

Như vậy, để đảm bảo sự phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cần sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 4 theo hướng:

- Bổ sung quy định về cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng.
- Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo.

1.2. Bổ sung quy định tại điểm đ khoản 1 về việc áp dụng quy định pháp luật về đầu tư đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN sử dụng các nguồn vốn khác nhau ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển từ NSNN.

1.3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 quy định về chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định tại điểm b khoản 2 sẽ được sửa đổi theo

<sup>7</sup> Trong trường hợp đối tượng nhận đào tạo không tuân thủ hợp đồng, không thể liên lạc do không có thông tin hoặc đang không trên lãnh thổ Việt Nam.



hướng: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

1.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 về việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/SCOPUS nhằm khuyến khích các nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu KH&CN trên các tạp chí uy tín của thế giới.

1.5. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 2 theo hướng:

- Sửa đổi quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công. Việc đề xuất sửa đổi phù hợp với quy định tại me điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “a) *Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;*” và khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “1. *Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.*”

- Bổ sung quy định về mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; ; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN. Căn cứ đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “b) *Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật*” và điểm a khoản 2 Điều 28 “a) *Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành*” và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

1.6. Bổ sung quy định về chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo để phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Bổ sung quy định về việc hướng dẫn các khoản chi khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động KH&CN&ĐMST theo hướng: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

1.7. Bổ sung quy định để làm rõ việc áp dụng quy định pháp luật theo hướng:



- Đối với chi đầu tư phát triển KH&CN (khoản 1 Điều 4) áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chi đầu tư phát triển.

- Đối với chi sự nghiệp KH&CN (quy định tại khoản 2 Điều 4) áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chi thường xuyên.

## ***2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN***

2.1. Sửa đổi các quy định tại khoản 1 Điều 5 liên quan đến việc phối hợp và vai trò tổng hợp của Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT trong việc hướng dẫn và tổng hợp dự toán ngân sách KH&CN địa phương nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công.

2.2. Sửa đổi điểm b khoản 3 về kinh phí dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN được chuyển về đơn vị dự toán các cấp hoặc Quỹ phát triển KH&CN các cấp để phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2.3. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 về việc giao Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN do: Đến thời điểm hiện nay, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã thực hiện được 08 năm, tuy nhiên, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn chưa được ban hành. Hiện nay, các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan đã được ban hành và thực thi tương đối hiệu quả nên cần thiết phải bãi bỏ quy định tại khoản 4.

## ***3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 7 về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương***

- Bổ sung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 khi Quỹ phát triển KH&CN thành lập: (i) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN; (ii) NSNN không hỗ trợ chi phí quản lý. Nội dung đề xuất bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 19 Điều 4 của Luật NSNN “19. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật” và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN “1. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước”.



- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 7 để xác định Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bãi bỏ các quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7 đối với các nội dung hoạt động ủy thác của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### **4. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

4.1. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4.2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9.

4.3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 về nội dung chi của Quỹ

Bổ sung các nội dung chi cho hoạt động KH&CN đã được quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng chưa được quy định tại Điều 10 của Nghị định:

4.3.1. Bổ sung nội dung chi “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*” theo quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

4.3.2. Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*”.

4.3.3. Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học



công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

4.4. Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 11 về việc các doanh nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương có quyền yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN theo hướng:

- Doanh nghiệp nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết Quỹ phát triển KH&CN sẽ nộp về Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia thay vì nộp về Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia theo quy định hiện nay.

- Bổ sung quy định về việc đề xuất phương án xử lý số tiền tồn dư do doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN các cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 1, nguyên nhân do: hiện tại Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia đang quản lý khoản kinh phí do doanh nghiệp đóng góp về Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng các doanh nghiệp đã đóng góp chưa có yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia; dẫn đến nguồn tiền tồn dư này chưa được sử dụng, khai thác hiệu quả.

#### **5. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN**

5.1. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 14 về việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp hoặc các đơn vị dự toán các cấp để phù hợp với các quy định pháp luật về NSNN.

5.2. Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 về cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia nhằm thực hiện theo kiến nghị của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Công văn số 977/BC-UBKHCNMT15 ngày 26/10/2022 “*Tăng cường giám sát các chuyên đề về tình hình thực hiện chính sách pháp luật KH&CN&ĐMST, trọng tâm là giám sát việc thực thi pháp luật có liên quan đến cơ chế đầu tư, tài chính, bố trí sử dụng NSNN, nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN&ĐMST, phát triển thị trường công nghệ, tăng cường ứng dụng và CGCN nhằm khẳng định KH&CN là động lực quan trọng phát triển đất nước*”.

5.3. Sửa đổi quy định tại Điều 15 về khoản chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN theo hướng:

- Sửa đổi các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 về tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Luật KH&CN “*b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoản chi đến sản phẩm cuối cùng*”.

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.



- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 15 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

5.4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 16 về khoản chi từng phần đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 16 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ./.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO****BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo  
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP  
ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với  
hoạt động khoa học và công nghệ**

Thực hiện chỉ đạo tại văn bản số 4726/VPCP-KTTH ngày 27/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, văn bản số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và văn bản số 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Dự thảo Nghị định được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật hiện hành. Trong đó, đặc biệt là hệ thống pháp luật khoa học và công nghệ, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

**1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị định gồm:**

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Bộ KH&CN được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định đã tiến hành rà soát các Luật nêu trên. Đồng thời, rà soát Luật, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản liên quan.

**a) Luật**

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020.

**b) Nghị quyết của Quốc hội**



- Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV.

c) Nghị quyết của Bộ Chính trị

- Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Văn bản của Quốc hội:

- Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công.

- Công văn số 977/BC-UBKHCNMT15 ngày 26/10/2022 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

d) Các Nghị định của Chính phủ:

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 11 năm 2020.

đ) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.



e) Các văn bản liên quan:

- Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN.

**2. Một số nội dung quy định để bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, gồm các nội dung cơ bản như sau:**

**a) Quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:**

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;” và tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “a) Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn;”, do vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 về kinh phí cải tạo, sửa chữa tài sản công nhằm nâng cấp, mở rộng tài sản công.

- Căn cứ Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: “Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.”; và Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 tại điểm b khoản 2 Mục 4 quy định “b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.”; , dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 về nội dung chi đầu tư phát triển cho xây dựng mới; cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo.

- Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm đ khoản 1 về việc áp dụng quy định pháp luật về đầu tư đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN sử dụng các nguồn vốn khác nhau ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển từ NSNN.

- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập đã hết hiệu lực và được thay thế bởi



Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định tại điểm b khoản 2 sẽ được sửa đổi theo hướng: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;” và khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.”, dự thảo Nghị định bổ sung các nội dung để làm rõ quy định tại điểm m khoản 2 về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.

- Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật” và điểm a khoản 2 Điều 28 “a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành”; Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN.

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 2 về chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo để phù hợp với Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST) đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Bổ sung quy định tại khoản 2 về việc hướng dẫn các khoản chi khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động KH&CN&ĐMST theo hướng: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.



- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 3 để làm rõ việc áp dụng quy định pháp luật đối với chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

**b) Quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN tại Điều 5 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP**

- Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định:

**“3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

*Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tổng hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn viện trợ phi chính phủ; đấu thầu; đăng ký kinh doanh; tổng hợp về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân.*

**4. Sở Tài chính:**

*Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.”*

Dự thảo Nghị định sửa đổi các quy định tại khoản 1 Điều 5 liên quan đến việc phối hợp và vai trò tổng hợp của Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT trong việc hướng dẫn và tổng hợp dự toán ngân sách KH&CN địa phương nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi điểm b khoản 3 về kinh phí dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN được chuyển về đơn vị dự toán các cấp hoặc Quỹ phát triển KH&CN quốc gia (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia) để phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

**c) Quy định về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Điều 7 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP**

- Theo quy định tại khoản 19 Điều 4 của Luật NSNN “19. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật” và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN “1. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của



*ngân sách nhà nước*”, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 nội dung: (i) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN; (ii) NSNN không hỗ trợ chi phí quản lý.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 7 để xác định Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Rà soát các quy định của pháp luật có liên quan, dự thảo Nghị định đề xuất bãi bỏ các quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7 đối với các nội dung hoạt động ủy thác của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, lý do: không có quy định pháp luật quy định chức năng hoạt động ủy thác của quỹ tài chính ngoài ngân sách (trừ Quỹ đầu tư phát triển địa phương).

***d) Quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP***

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp Nhà nước chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệp quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Dự thảo Nghị định bổ sung nội dung chi tại điểm c khoản 3 Điều 10: “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*” theo quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm I khoản 3 Điều 10 cho phép doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP “*h) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp*



sáng tạo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2023.”; và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg “6. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan:

*Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo,...; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2023.”.*

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm k khoản 3 Điều 10 về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp”.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11: Doanh nghiệp nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết Quỹ phát triển KH&CN sẽ nộp về Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia thay vì nộp về Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia theo quy định hiện nay.

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định về việc đề xuất phương án xử lý số tiền tồn dư do doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN các cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 11, nguyên nhân do: hiện tại Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia đang quản lý khoản kinh phí do doanh nghiệp đóng góp về Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng các doanh nghiệp đã đóng góp chưa có yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia; dẫn đến nguồn tiền tồn dư này chưa được sử dụng, khai thác hiệu quả.

***d) Quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP***

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 14 về việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp hoặc các đơn vị dự toán các cấp để phù hợp với các quy định pháp luật về NSNN.

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 về cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia nhằm thực hiện theo kiến nghị của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Công văn số 977/BC-UBKHCMNT15 ngày 26/10/2022 “Tăng cường giám sát các chuyên đề về tình hình thực hiện chính sách pháp luật KH&CN&ĐMST, trọng tâm là giám sát việc thực thi pháp luật có liên quan đến cơ chế đầu tư, tài chính, bố trí sử dụng NSNN, nguồn lực xã hội đầu tư cho



*KHCN&ĐMST, phát triển thị trường công nghệ, tăng cường ứng dụng và CGCN nhằm khẳng định KH&CN là động lực quan trọng phát triển đất nước”.*

- Dự thảo Nghị định sửa đổi các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 về tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Luật KH&CN “*b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoản chi đến sản phẩm cuối cùng*”.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 15 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 16 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

#### ***e) Quy định về tổ chức thực hiện***

Dự thảo Nghị định quy định về hiệu lực thi hành và quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với quy định hiện hành.

Các quy định của dự thảo đảm bảo sự đồng bộ với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

#### ***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**